

VỀ MỘT HƯỚNG ĐI TRONG NGHIÊN CỨU SO SÁNH ĐỐI CHIẾU THÀNH NGỮ

Ngô Minh Thủy

*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Phương Đông
Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Thành ngữ là một trong những đơn vị ngôn ngữ cơ bản trong hệ thống các đơn vị ngôn ngữ. Đó là một loại đơn vị ngôn ngữ đặc trưng, trong đó kết tinh những yếu tố văn hóa của một dân tộc, thể hiện một cách chân thực và vô cùng phong phú thế giới quan, nhân sinh quan của những cộng đồng người thuộc các nền văn hóa khác nhau. Bởi vậy, nghiên cứu thành ngữ, đặc biệt là nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau, người ta sẽ tìm ra được những nét độc đáo trong văn hóa của mỗi dân tộc, đồng thời tìm ra được những nét tương đồng và khác biệt giữa nền văn hóa này với nền văn hóa khác.

Có thể nói trong những năm gần đây, thành ngữ được nghiên cứu rất nhiều và từ những góc độ khác nhau. Đặc biệt, nếu nói về các nghiên cứu so sánh đối chiếu thì có thể nói rằng thành ngữ của một số ngôn ngữ châu Âu đã được so sánh đối chiếu với tiếng Việt. Điềm qua tên các đề tài nghiên cứu của các luận văn thạc sỹ ở trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội kể từ khi có khóa đào tạo thạc sỹ (1992) đến nay, ta sẽ thấy một loạt các luận văn nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ, như: *Thành ngữ có từ chỉ con vật trong tiếng Nga trong sự so sánh đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Việt* (Ngô Minh Thủy, 1996); *Thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể con người trong tiếng Nga và đối chiếu với tiếng Việt* (Đỗ Hoàng Ngân, 1996); *Thành ngữ tiếng Nga có những từ chỉ số đếm tự nhiên so sánh với những thành ngữ tương đương trong tiếng Anh và tiếng Việt* (Phạm Thế Minh, 1997); *Thành ngữ có từ "tay" trong tiếng Nga so sánh đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Việt* (Nguyễn Thị Thu, 1997); *Thành ngữ tiếng Nga có từ "mắt", trong sự đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Anh và tiếng Việt* (Lê Sỹ Sen, 1999); *Thành ngữ có các từ chỉ bộ phận trên khuôn mặt trong tiếng Nga đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt* (Tô Thị Ngân Anh, 1999); *Thành ngữ so sánh trong tiếng Nga và tiếng Việt* (Hoàng Thị Thanh Nhân, 2000); *Thành ngữ tiếng Nga có từ "chân" đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Việt* (Đình Trọng Nghĩa, 2001); *Thành ngữ tiếng Nga có từ "tâm hồn" và "trái tim" đối chiếu với tiếng Việt* (Nguyễn Văn Hòa, 2001); *Thành ngữ tiếng Nga biểu thị khái niệm "tiền tệ", đối chiếu với các đơn vị tương đương trong tiếng Anh và tiếng Việt* (Nguyễn Thị Định, 2001) và một số luận văn khác. Bên cạnh những luận văn thạc sỹ nói trên của trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội còn có thể thấy nhiều công trình nghiên cứu khác như hai luận văn thạc sỹ của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân

văn - ĐHQG Hà Nội: *Đối chiếu thành ngữ chỉ trạng thái tâm lý trong tiếng Anh và tiếng Việt* (Lâm Thị Hòa Bình, 2000) và *Khảo sát thành ngữ gốc Hán có yếu tố chỉ con số trong sự đối chiếu với thành ngữ tiếng Việt có yếu tố là con số* (Giang Thị Tâm, 2001). Ngoài các luận văn thạc sỹ, một số luận án tiến sỹ cũng nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ, Nguyễn Xuân Hòa (*Đối chiếu thành ngữ Nga - Việt trên bình diện giao tiếp*, 1996), Phan Văn Quế (*Ngữ nghĩa của thành ngữ - tục ngữ có thành tố chỉ động vật trong tiếng Anh trong sự so sánh đối chiếu với tiếng Việt*, 1996), Trần Thị Lan (*Phương thức dịch các thành ngữ đánh giá con người trên tư liệu của ba ngôn ngữ Anh - Nga - Việt*, 2002). Trong các công trình nghiên cứu trên, mỗi tác giả đã chọn cho mình một nhóm thành ngữ riêng. Mặc dù tiếp cận thành ngữ từ những góc độ khác nhau, với mục đích nghiên cứu khác nhau, hầu hết các tác giả đều đi sâu phân tích cấu trúc hình thái và ngữ nghĩa của các thành ngữ thuộc nhóm đó trong một ngoại ngữ trên cơ sở so sánh, đối chiếu với thành ngữ cùng nhóm trong tiếng Việt, hoặc trong tiếng Việt và một ngôn ngữ thứ ba. Một số tác giả còn phân tích, so sánh đối chiếu cách sử dụng thành ngữ trong lời nói.

Có thể nói, các công trình nghiên cứu trên đã có đóng góp đáng kể trong việc nghiên cứu thành ngữ nói chung và nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ nói riêng. Những kết quả của việc so sánh đối chiếu cấu trúc hình thái của thành ngữ trong các công trình này đã chỉ ra được những điểm giống và khác nhau trong cấu trúc hình thái giữa thành ngữ tiếng Việt và thành ngữ của một số ngôn ngữ khác. Phần so sánh đối chiếu ý nghĩa từ vựng của thành ngữ trong các ngôn ngữ khác nhau cũng đem lại một kết quả có giá trị là phân tích và giải thích được ý nghĩa của một số lượng lớn thành ngữ, tìm được những thành ngữ tương đương giữa hai hay nhiều ngôn ngữ, đồng thời cung cấp những bản dịch các thành ngữ của một số ngôn ngữ không có thành ngữ tương đương sang tiếng Việt. Bên cạnh đó, nhiều tác giả còn nghiên cứu và đề xuất một số phương pháp nâng cao năng lực sử dụng thành ngữ cho người học ngoại ngữ (Ngô Minh Thủy, Phạm Thế Minh), phương pháp giảng dạy thành ngữ cho người học ngoại ngữ (Đỗ Hoàng Ngân, Tô Thị Ngân Anh, Đinh Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Hòa). Những kết quả trên có ý nghĩa không nhỏ đối với việc dạy - học ngoại ngữ, đối với việc dịch thuật cũng như đối với việc biên soạn từ điển thành ngữ song ngữ.

Tuy nhiên, như trên đã nói, thành ngữ là đơn vị ngôn ngữ phản ánh đậm nét nhất các đặc điểm văn hóa của một dân tộc. Nếu ngôn ngữ là phương tiện của tư duy, phản ánh tư duy, thì trong các đơn vị ngôn ngữ, thành ngữ là nơi dấu ấn của tư duy con người đọng lại rõ nét nhất. Khi nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ, người ta tìm ra được những điểm tương đồng và dị biệt về văn hóa giữa các dân tộc, và ngược lại, người ta có thể sử dụng các đặc trưng văn hóa, hay các “kiến thức nền” về văn hóa để giải thích những tương đồng và dị biệt trong thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ. Bởi vậy theo chúng tôi, một hướng mới trong nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ là nghiên cứu gắn với văn hóa. Trên thực tế, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề văn hóa khi

so sánh đối chiếu thành ngữ. Lâm Thị Hòa Bình (2000) khi phân tích cơ chế tạo nghĩa của thành ngữ chỉ trạng thái tâm lý trong tiếng Anh và tiếng Việt đã đề cập đến vấn đề *tri thức văn hóa dân tộc trong thành ngữ*. Giang Thị Tám (2001) khi phân tích các đặc điểm của thành ngữ cũng đã đề cập đến *đặc trưng văn hóa của các thành ngữ nói chung và thành ngữ tiếng Hán nói riêng*. Đặc biệt, Nguyễn Xuân Hòa (1996) đã dành trọn một chương trong luận án của mình để nói về *các đặc trưng văn hóa dân tộc nhìn từ góc độ giao tiếp của thành ngữ tiếng Nga và tiếng Việt*. Tuy nhiên, nếu đánh giá một cách khách quan thì chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách có hệ thống các yếu tố văn hóa trong thành ngữ hoặc sử dụng các yếu tố văn hóa để nghiên cứu thành ngữ, mà thường chỉ đề cập đến văn hóa khi phân tích các đặc trưng ngữ nghĩa hay cơ chế hình thành ngữ nghĩa của thành ngữ. Theo chúng tôi, việc gắn văn hóa với ngôn ngữ trong nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ thể hiện ở hai mặt: 1) Phân tích, so sánh, đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ để tìm ra các đặc trưng về văn hóa, nghĩa là tìm ra các nét tương đồng và dị biệt về văn hóa của hai hay nhiều dân tộc thể hiện qua thành ngữ và 2) Dùng các đặc trưng về văn hóa trong hai hay nhiều nền văn hóa để phân tích ý nghĩa của thành ngữ, giải thích các điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm cấu trúc hình thái cũng như ý nghĩa từ vựng của các thành ngữ trong các ngôn ngữ được nghiên cứu. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày một số ý kiến về phương pháp nghiên cứu văn hóa qua so sánh đối chiếu thành ngữ.

1. Nghiên cứu các đặc trưng văn hóa dân tộc qua sự phân tích, so sánh đối chiếu thành ngữ về mặt cấu trúc hình thái

Không ít người cho rằng, những đặc điểm về văn hóa chỉ thể hiện trong bình diện ý nghĩa của thành ngữ, nhưng theo chúng tôi, ngay cả trong các đặc điểm về cấu trúc hình thái của thành ngữ, các đặc trưng văn hóa cũng thể hiện khá rõ nét. Chúng tôi xin lấy một ví dụ nhỏ: Nếu chia thành ngữ ra từng nhóm có cấu trúc là một cụm từ (trong đó chủ yếu là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) hay là một câu để so sánh thì ta sẽ thấy sự phân bố các kiểu cấu trúc này của các thành ngữ trong các ngôn ngữ rất khác nhau. Một trong những điểm khác nhau đó là số lượng các thành ngữ có cấu trúc là một cụm tính từ (tức là các thành ngữ có tính từ đóng vai trò trung tâm, ví dụ: *Bản như lợn, ngu như bò, nhanh như gió, gầy như que củi, nghèo rớt mùng tơi*) trong tiếng Việt là 12% (gồm 36 trong 300 thành ngữ được khảo sát), tiếng Nhật là 0,5% (gồm 2 trong 300 thành ngữ được khảo sát). Loại thành ngữ này trong tiếng Anh cũng rất nhiều. Theo Lâm Thị Hòa Bình (2000), chỉ trong 380 thành ngữ chỉ trạng thái tâm lý của tiếng Anh (những thành ngữ chỉ cảm xúc và tâm trạng con người, ví dụ: *Down in the dumps* (“chìm trong sự buồn chán” = rất buồn = *buồn như chấu cắn, ỉu xiu như bánh đa nhúng nước*); *like a cat on hot bricks* (“như con mèo ở trên gạch nóng” = rất sốt ruột, lo lắng = *lòng nóng như lửa đốt, đứng ngồi không yên*); *as keen as mustard* (“cay như tương mù tạc” = hăng say, nhiệt tình) thì những thành ngữ có cấu trúc là một cụm tính từ

chiếm 12%. Có thể kể ra một loạt các thành ngữ có cấu trúc là một cụm tính từ trong tiếng Anh, như : *as happy as a lark* (“vui như chim chiến chiến”); *as mad as a hatter* (“điên như gã bán mũ”); *as mad as a March hare* (“điên như thỏ tháng ba”); *as proud as a peacock* (“kiêu hãnh như con công”), *as red as a lobster* (“đỏ như tôm hùm”). Nhìn vào các con số thống kê trên có thể thấy rằng thành ngữ tiếng Nhật rất đặc biệt, bởi vì hầu như không thấy bóng dáng của các tính từ với vai trò trung tâm của thành ngữ, đặc biệt là trong loại thành ngữ so sánh mà sự có mặt của tính từ là rất phổ biến trong các ngôn ngữ khác, như tiếng Anh hay tiếng Việt. Hãy so sánh những thành ngữ có cùng ý nghĩa từ vựng sau :

Tiếng Anh : *As dump as a fish* (“im như cá”)

Tiếng Việt : Im như thóc, câm như hến

Tiếng Nhật : *Kai no you* (“như hến”)

Tiếng Anh : *As strong as an elephant* (“khoẻ như voi”)

Tiếng Việt : Khỏe như voi (hùm, trâu)

Tiếng Nhật : *Tobu tori wo otosu ikioi* (“Sức mạnh kéo được con chim đang bay xuống”)

Tất nhiên có trường hợp thành ngữ tiếng Nhật cũng dùng tính từ như các thành ngữ có ý nghĩa tương đương trong tiếng Anh, tiếng Việt như trong ví dụ sau :

Tiếng Anh : *As stubborn as a mule* (“bướng như con la”)

Tiếng Việt : Ngang như cua

Tiếng Nhật : *Ganko ittetsu* (“ngoan cố nhất triệt” = rất ngoan cố, rất ngang bướng).

Tuy vậy, kiểu thành ngữ này trong tiếng Nhật rất hiếm. Như trên đã nói, trên số liệu khảo sát (300 thành ngữ tiếng Nhật), chúng tôi chỉ gặp hai trường hợp là *ganko ittetsu* (đã dẫn ở trên) và *mushi no ii* (“tốt kiểu sâu bọ” = quá đáng).

Từ đặc điểm trên sẽ rút ra được điều gì về đặc trưng văn hóa của người Nhật, người Việt và người Anh thể hiện qua thành ngữ? Theo chúng tôi, một trong những đặc trưng văn hóa rút ra được là sự tránh né nói thẳng của người Nhật về các đặc điểm hình dáng hay tính chất của người và sự vật, hiện tượng. Khác với người Việt hay người Anh thường thẳng thắn, rõ ràng khi diễn đạt các ý nghĩ hay kết luận của mình, người Nhật yêu thích cách nói hàm ý, thường chỉ đưa ra những hình ảnh, những đặc điểm để liên tưởng, còn phần kết luận, phần cốt lõi của vấn đề thì nhường lại cho người đọc, người nghe tự rút ra, tự nói ra.

Trên đây chỉ là một ví dụ nhỏ về việc đi tìm những đặc trưng văn hóa dân tộc qua sự so sánh, đối chiếu về cấu trúc của thành ngữ trong các ngôn ngữ khác nhau. Còn nhiều đặc điểm về văn hóa nữa thể hiện trong sự khác nhau về cấu trúc

hình thái của thành ngữ mà người nghiên cứu có thể tìm ra được tùy theo các tiêu chí phân loại và các góc độ phân tích.

2. Nghiên cứu đặc trưng văn hóa dân tộc qua sự so sánh đối chiếu thành ngữ trên phương diện ngữ nghĩa

Cũng như sự so sánh đối chiếu thành ngữ trên phương diện cấu trúc hình thái, việc so sánh đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau có thể tiến hành từ nhiều góc độ, theo nhiều phương pháp khác nhau. Ý nghĩa từ vựng (ngữ nghĩa) của các đơn vị ngôn ngữ nói chung và của thành ngữ nói riêng rất đa dạng, phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, mà các yếu tố thì lại đan xen nhau, tác động lẫn nhau, nên khi nghiên cứu ý nghĩa từ vựng của thành ngữ, đặc biệt là khi so sánh đối chiếu ý nghĩa từ vựng của thành ngữ trong các ngôn ngữ khác nhau sẽ có rất nhiều vấn đề cần phải xem xét. Ở đây chúng tôi chỉ xin đưa ra một gợi ý về hướng nghiên cứu các đặc trưng văn hóa dân tộc qua sự so sánh đối chiếu thành ngữ về phương diện ngữ nghĩa.

a. Tìm đặc trưng văn hóa dân tộc dựa vào các từ - thành phần cấu tạo của thành ngữ

Khi so sánh đối chiếu ngữ nghĩa của thành ngữ trong các ngôn ngữ khác nhau, một xu hướng được ưa chuộng là quy thành ngữ về các trường nghĩa rồi so sánh nhóm các thành ngữ thuộc cùng một trường nghĩa trong các ngôn ngữ đó. Trường nghĩa ở đây có thể là trường nghĩa của toàn bộ thành ngữ hoặc là trường nghĩa của các từ được sử dụng để cấu tạo nên các thành ngữ. Dựa vào trường nghĩa của toàn bộ thành ngữ người ta có thể chia thành ngữ thành các nhóm như “Thành ngữ chỉ trạng thái tâm lý con người”, “Thành ngữ về các đặc điểm hình dáng con người”, “Thành ngữ về lao động sản xuất”, “Thành ngữ về ẩm thực” v.v... Dựa vào trường nghĩa của các từ được sử dụng để cấu tạo thành ngữ, người ta có thể quy thành ngữ về thành từng nhóm, như “Thành ngữ có từ chỉ động vật”, “Thành ngữ có từ chỉ thực vật”, “Thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể”, “Thành ngữ có từ chỉ các bộ phận trên khuôn mặt”, “Thành ngữ có từ chỉ con số” v.v... Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu so sánh đối chiếu các thành ngữ thuộc các trường nghĩa như trên.

Khi so sánh các thành ngữ thuộc cùng một trường nghĩa, việc đầu tiên các tác giả thường làm là thống kê số lượng thành ngữ, sau đó là thống kê các yếu tố, hay các đối tượng mà những từ được dùng trong thành ngữ đề cập đến. Ví dụ, khi so sánh đối chiếu nhóm thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể trong các ngôn ngữ khác nhau, việc đầu tiên là thống kê số lượng thành ngữ loại này trong từng ngôn ngữ, sau đó thống kê các bộ phận cơ thể được dùng trong thành ngữ của mỗi ngôn ngữ, tính tỷ lệ xuất hiện của mỗi bộ phận cơ thể. Đỗ Hoàng Ngân (1996) đã thống kê được 1000 thành ngữ có từ chỉ các bộ phận cơ thể trong 4000 thành ngữ tiếng Nga được khảo sát, và 550 thành ngữ loại này trong tổng số 2500 thành ngữ được khảo

sát của tiếng Việt. Về số lượng các bộ phận cơ thể được dùng trong thành ngữ thì công trình nghiên cứu này đã chỉ ra được trong tiếng Nga là 41, tiếng Việt là 46.

Một ví dụ khác về kết quả thống kê thành ngữ theo các bước như trên là việc thống kê tiến hành với nhóm các thành ngữ có từ chỉ các bộ phận trên đầu (thành ngữ có từ “đầu” và các từ khác như “mặt”, “cằm”, “mắt” v.v...). Khi so sánh đối chiếu nhóm các thành ngữ loại này trong tiếng Nhật và tiếng Việt chúng tôi tìm ra được 333 thành ngữ trong tiếng Nhật và 736 thành ngữ trong tiếng Việt. Số lượng các bộ phận trên đầu được sử dụng trong thành ngữ trong cả hai ngôn ngữ là 14. Trong các bộ phận trên đầu được sử dụng trong thành ngữ, trong cả hai ngôn ngữ, miệng (mồm, khẩu) có tỷ lệ xuất hiện cao nhất (20,88% trong tiếng Việt và 30,12% trong tiếng Nhật).

Ví dụ :

kuchi ga ogoru (“mồm xa hoa” = *ăn cả tiêu rộng*)

kuchi ga hi agaru (“mồm vêu ra, vêu mồm” = *tiền hết gạo không, nghèo rớt mùng tơi*)

kuchi wo tozasu (“đóng mồm” = *im như thóc, câm như hến*)

Nếu chỉ dừng ở những con số thống kê đơn giản như vậy thì quả thật đôi khi có cảm giác rằng thống kê chỉ để mà thống kê, hay là chỉ để biết được đối tượng nghiên cứu là bao nhiêu thành ngữ. Nhưng trên thực tế thì những thống kê đó có một giá trị không nhỏ, là tiền đề quan trọng để đi một bước tiếp theo là tìm ra những nét tương đồng hay bất tương đồng trong văn hóa của hai hay nhiều dân tộc. Ví dụ, dựa vào tỷ lệ xuất hiện ít hay nhiều của các bộ phận cơ thể trong thành ngữ, người ta biết được rằng trong tâm thức của dân tộc này hay dân tộc khác, con mắt quan trọng hơn hay đôi tai quan trọng hơn, lục phủ ngũ tạng có phải là trung tâm và là nơi quyết định đời sống tâm hồn của một con người không. Và nếu tìm ra câu trả lời như vậy từ thành ngữ, người ta sẽ có cơ sở để giải thích một loạt các hiện tượng văn hóa khác, chẳng hạn như tại sao những con người có khí phách ở Nhật lại thường tự tử bằng cách tự mổ bụng phanh thây mình? Có phải là vì họ coi bụng là bộ phận quan trọng, nơi chứa đựng tâm hồn và khí phách họ, nên khi quyền sinh họ muốn cho mọi người thấy rõ tâm hồn khí phách của mình không?

Đối với trường hợp nghiên cứu nhóm thành ngữ có từ chỉ con vật trong tiếng Nhật và tiếng Việt cũng như vậy. Thực tế là khi so sánh đối chiếu nhóm thành ngữ này trong tiếng Nhật và tiếng Việt chúng tôi đã tìm ra được rất nhiều điểm tương đồng và dị biệt rất lý thú nhưng do phạm vi bài viết này có hạn, chúng tôi sẽ trình bày kết quả nghiên cứu đó trong một bài viết khác. Chỉ xin nói về kết quả thống kê nhóm thành ngữ này trong tiếng Nhật là 316 và tiếng Việt là 330, số lượng các con vật được dùng trong thành ngữ tiếng Nhật là 74, trong thành ngữ tiếng Việt là 77, trong đó có 20 con vật xuất hiện trong thành ngữ tiếng Việt nhưng không xuất hiện trong thành ngữ tiếng Nhật, ví dụ như con trâu, con chấy, con cóc, con đĩa v.v... và

ngược lại, có 17 con vật chỉ xuất hiện trong thành ngữ tiếng Nhật nhưng không xuất hiện trong thành ngữ tiếng Việt như con ngan, con cá mập, con bạch tuộc, con nhện v.v... Nếu nói về tỷ lệ xuất hiện của các con vật trong thành ngữ thì các con vật xuất hiện nhiều nhất trong tiếng Nhật là con cá, con chó, con mèo, con ngựa, con thỏ, con sâu, con bò, con chuột, trong tiếng Việt là con cá, con gà, con chó, con mèo, con hổ, con trâu, con chuột, con bò (theo thứ tự tần số xuất hiện từ cao đến thấp). Chính từ những con số thống kê như vậy chúng tôi đã tìm ra được những điểm tương đồng và bất tương đồng về văn hóa của hai dân tộc trong một số phương diện, chẳng hạn như trong mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên nói chung và động vật nói riêng, trong mức độ thân thuộc của con người đối với các con vật. Bên cạnh đó, dựa vào tỷ lệ xuất hiện của các con vật trong thành ngữ có được qua sự thống kê đó, chúng tôi còn có thể biết thêm được về các đặc điểm của điều kiện sống, hoàn cảnh địa lý của hai dân tộc.

Một mặt nữa có thể khai thác được để nghiên cứu các đặc trưng văn hóa thể hiện qua thành ngữ khi dựa vào các từ - thành phần cấu tạo của thành ngữ là so sánh cách sử dụng các đối tượng hay các yếu tố mà thành ngữ “mượn” để cấu tạo (tức là các yếu tố hay đối tượng mà các từ - thành phần cấu tạo của thành ngữ - biểu đạt, trong hai ví dụ nêu trên thì các đối tượng đó là các bộ phận cơ thể, hay là các con vật). Ví dụ, trong trường hợp thành ngữ có từ chỉ con vật thì chúng tôi thấy rằng các dân tộc sử dụng các con vật trong thành ngữ theo hai cách.

Trong cách sử dụng thứ nhất, người ta chỉ đơn thuần mượn tên con vật để nói về con người hay những tình thế của con người mà không dựa vào các đặc điểm về con vật hay quan niệm về con vật trong tiềm thức của họ. Ví dụ :

Tiếng Việt : Ông nói gà bà nói vịt.

Lợn lành chữa thành lợn què.

Tiếng Nhật : *manaita no koi*

(“con cá chép trên thớt” = *cá nằm trên thớt*)

toranu tanuki no kawa zanyoo

(“tính da của con cáo chưa bắt được”, = *tính của trong lỗ*)

Rõ ràng trong các ví dụ trên, người ta chỉ mượn tên con vật để nói về con người (dùng “gà” và “vịt” - hai đối tượng khác nhau để nói rằng chủ đề câu chuyện của hai người là khác nhau, dùng hình ảnh con cá nằm trên thớt để chỉ một người ở trong tình trạng nguy hiểm không lối thoát v.v...) chứ không dựa vào một đặc điểm nào của con vật hay cách hình dung có sẵn trong tiềm thức của con người về con vật đó để cấu tạo thành ngữ.

Trong cách sử dụng thứ hai, người ta dựa vào các đặc điểm (gồm đặc điểm về hình dáng bên ngoài và đặc điểm về tính cách) của con vật hay các quan niệm về con vật trong tiềm thức của họ để cấu tạo thành ngữ. Ví dụ :

Tiếng Việt : *bản như lợn*
lo bò trắng răng
dữ như cọp
miệng cọp gan thỏ
giọng vịt đực

Tiếng Nhật : *neko ze* (“lưng mèo” = *gù lưng tôm*)
uma zura (“mặt ngựa” = mặt dài)
furu danuki (“con lửng già” = *con cáo già*)

Trong các ví dụ trên, khi cấu tạo thành ngữ người ta đã dựa vào các đặc điểm của con vật (ví dụ, bò thì răng trắng, ngựa thì mặt dài), cách hình dung của con người về con vật (ví dụ, lợn thì bản) hay quan niệm về con vật trong tiềm thức của họ (ví dụ, con lửng già thì ranh ma). Nếu dựa vào tiêu chí trên để thống kê và so sánh, người ta sẽ phát hiện ra nhiều vấn đề liên quan đến cách tư duy của hai dân tộc, sẽ biết được dân tộc nào có cách tư duy giàu hình ảnh hơn, ưa lối nói ví von nhiều hơn v.v...

Mặt khác, trong các thành ngữ mà con vật được dùng dựa vào các đặc điểm hay các quan niệm về nó trong tiềm thức của con người như trong các ví dụ đã dẫn ở trên, dấu ấn của các quan niệm, dấu ấn của cách hình dung của con người về các con vật hiện ra rất rõ. Nếu chú trọng vào mặt đó để so sánh đối chiếu, có thể thu được một kết quả đáng tin cậy về văn hóa của các dân tộc, cụ thể trong trường hợp này nếu so sánh thành ngữ có từ chỉ con vật giữa tiếng Nhật và tiếng Việt người ta sẽ thấy được rằng trong tâm thức của người Việt và người Nhật, các con vật có đặc điểm như thế nào, tốt hay xấu, và các đặc điểm ấy có giống nhau không giữa hai dân tộc. Một ví dụ nhỏ là khi so sánh các thành ngữ có từ “mèo” và “chó” trong tiếng Nhật và tiếng Việt (Ví dụ : *Chó chê mèo lấc; mèo đànng chó điếm; để mở trước miệng mèo; inu chikushoo* = “đồ súc vật chó” = *đồ chó đểu; neko no mae no nezumi* = “con chuột trước con mèo” = *một người đang rất hoảng sợ; inu mo kuwanu* = “chó cũng không ăn” = *chó cũng không thèm người; neko no ko ippiki inai* = “không có lấy một con mèo con” = *vắng vẻ = vắng như chùa Bà Đanh*) chúng tôi thấy rằng trong thành ngữ của cả hai ngôn ngữ, con chó và con mèo đều có những đặc tính xấu (đặc tính tiêu cực) và những đặc tính tốt (đặc tính tích cực), nhưng trong tiếng Nhật, con mèo mang nhiều đặc tính tốt hơn hẳn so với con chó, còn trong tiếng Việt thì ngược lại, con chó có nhiều đặc tính tốt hơn con mèo. Như vậy có thể kết luận rằng người Nhật thấy ở con mèo nhiều đức tính tốt hơn ở con chó, còn người Việt thì ngược lại, cho rằng con chó có nhiều đặc tính tốt hơn con mèo. Với các nhóm thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể, từ chỉ các yếu tố tự nhiên v.v... việc nghiên cứu văn hóa qua các từ - thành phần cấu tạo của thành ngữ cũng có thể tiến hành theo hướng như vậy.

b. Tìm các đặc trưng văn hóa dân tộc qua sự so sánh đối chiếu ý nghĩa từ vựng của thành ngữ

Khi so sánh đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ về mặt ý nghĩa từ vựng của thành ngữ, việc đầu tiên là phải xác định ý nghĩa từ vựng của thành ngữ, sau đó so sánh đối chiếu các ý nghĩa đó để tìm ra các thành ngữ có tương đương và không có tương đương trong hai hay nhiều ngôn ngữ. Như vậy từ sự so sánh đối chiếu này, nếu lấy thành ngữ của một trong các ngôn ngữ đang so sánh làm gốc, người ta có thể chia thành ngữ ra hai nhóm: 1) nhóm thành ngữ có tương đương và 2) nhóm thành ngữ không có tương đương. Ví dụ:

- Thành ngữ tiếng Nhật có thành ngữ tương đương trong tiếng Việt:

neko ni katsuyoo bushi (“gửi cá tùng khô cho mèo”

= để mở trước miệng mèo, gửi trứng cho ác)

i no naka no kawaru (“Con ếch trong giếng” = ếch ngồi đáy giếng)

inu ni rongo (“lý luận với chó” = đàn gậy tai trâu, nước đổ lá khoai, nước đổ đầu vịt)

neko no me no yooni kawaru (“thay đổi như mắt mèo” = thay như thay áo)

- Thành ngữ tiếng Nhật không có thành ngữ tương đương trong tiếng Việt :

neko jita (“lưỡi mèo” = người không ăn được đồ nóng)

nekokke (“tóc mèo” = tóc mềm và mượt)

mushi no shirase (“sự thông báo của con sâu” = linh tính, linh tính mách bảo)

Vậy thì người ta thu được gì về văn hóa qua sự sánh đối chiếu ý nghĩa từ vựng của thành ngữ như vậy?

Như trong các ví dụ trên, ta thấy rằng khi lấy thành ngữ có từ chỉ con vật trong tiếng Nhật làm gốc để so sánh với tiếng Việt thì nhóm các thành ngữ tiếng Việt tương đương có thể chia làm 3 loại :

- a- Cùng ý nghĩa từ vựng, dùng cùng một con vật
- b- Cùng ý nghĩa từ vựng, dùng các con vật khác nhau
- c- Cùng ý nghĩa từ vựng, nhưng thành ngữ tiếng Nhật thì dùng con vật, thành ngữ tiếng Việt thì không dùng con vật.

Trong nhóm thành ngữ có cùng ý nghĩa từ vựng, cùng tên con vật thì lại có thể chia làm hai nhóm nhỏ nữa là nhóm có cùng phương thức biểu hiện và nhóm không cùng phương thức biểu hiện. Chẳng hạn, thành ngữ *i no naka no kawaru* (“éch trong giếng”) trong tiếng Nhật và thành ngữ “éch ngòi đáy giếng” trong tiếng Việt được chúng tôi coi là hai thành ngữ cùng ý nghĩa từ vựng, dùng cùng một con vật và có cùng một phương thức biểu hiện. Thành ngữ *kenba no kokoro* (“trái tim chó và ngựa”) và thành ngữ *chó ngao đạo Chích sữa vua Nghiêu*, thành ngữ *neko baba suru* (“mèo và bà”) và thành ngữ *giấu như mèo giấu cứt* là những cặp thành ngữ có cùng ý nghĩa từ vựng, sử dụng cùng một con vật, nhưng không cùng phương thức biểu hiện.

Dựa vào sự phân tích này, trước hết là dựa vào con số thống kê thành ngữ của từng nhóm, người ta biết được trong hai ngôn ngữ có bao nhiêu phần trăm thành ngữ tương đương, bao nhiêu phần trăm thành ngữ tương đương có cùng một con vật, bao nhiêu thành ngữ tương đương có cùng con vật và cùng phương thức biểu hiện, bao nhiêu thành ngữ tương đương có cùng con vật nhưng không cùng phương thức biểu hiện v.v., từ đó sẽ thấy được hai nền văn hóa có gần nhau không. Tiếp đó, với nhóm thành ngữ có cùng ý nghĩa từ vựng nhưng khác tên con vật, nhất là những con vật được dùng trong thành ngữ dựa cách hình dung của con người hay những hình ảnh trong tiềm thức của con người về con vật đó, ta có thể rút ra được những kết luận liên quan đến việc hai dân tộc tìm thấy ở những con vật khác nhau những đặc điểm giống nhau, có nghĩa là cùng một đặc điểm, một hiện tượng nhưng hai dân tộc đó lại tìm thấy ở trong những con vật khác nhau, hoặc là trong mối liên tưởng về những con vật khác nhau.

Kết luận

Trên đây chúng tôi đã trình bày một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ gắn với văn hóa. Thành ngữ là một trong những đơn vị ngôn ngữ thể hiện rõ nét nhất các đặc trưng văn hóa của một dân tộc nói các ngôn ngữ đó. Việc đi tìm các đặc trưng văn hóa của các dân tộc qua nghiên cứu so sánh đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ sẽ giúp ta tìm ra được đặc trưng văn hóa của các dân tộc. Việc nghiên cứu đối chiếu thành ngữ của hai hay nhiều ngôn ngữ có thể được tiến hành theo nhiều cách, trong đó có sự phân tích so sánh đối chiếu cấu trúc hình thái của thành ngữ, các yếu tố hay đối tượng mà các thành tố cấu tạo thành ngữ biểu đạt, ý nghĩa từ vựng của thành ngữ, cũng như các con số thống kê dựa vào các tiêu chí khác nhau của thành ngữ.

Việc nghiên cứu thành ngữ gắn với văn hóa, như ở phần đầu đã nói, còn có thể thực hiện theo chiều ngược lại, có nghĩa là dựa vào các đặc điểm về văn hóa của

mỗi dân tộc (hay nói chính xác hơn là dựa vào những “tri thức nền” về văn hóa) để phân tích quá trình hình thành nghĩa của thành ngữ, để giải thích ý nghĩa của thành ngữ, giải thích những điểm giống và khác nhau về cấu trúc hình thái và về ngữ nghĩa của thành ngữ, giải thích sự giống và khác nhau về số lượng của nhóm thành ngữ này hay nhóm thành ngữ khác cũng như sự giống và khác nhau trong cách sử dụng các yếu tố, đối tượng như động vật, bộ phận cơ thể, các hiện tượng tự nhiên v.v... mà các thành tố cấu tạo thành ngữ biểu đạt. Ngoài ra, theo chúng tôi, một công trình nghiên cứu thành ngữ gắn với văn hóa có thể đồng thời tiến hành theo hai chiều : 1/ Nghiên cứu các đặc trưng văn hóa thể hiện trong thành ngữ, và 2) Thông qua các đặc trưng văn hóa giải thích những sự giống nhau và khác nhau trong thành ngữ hai ngôn ngữ. Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi mới chỉ đề cập đến một mặt của vấn đề là nghiên cứu các đặc trưng văn hóa dân tộc qua việc so sánh đối chiếu thành ngữ. Các vấn đề còn lại chúng tôi xin trình bày trong một bài viết khác.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Thị Hòa Bình, Đối chiếu thành ngữ chỉ trạng thái tâm lí trong tiếng Anh và tiếng Việt, *Luận văn thạc sĩ*, 2000
2. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã Hội, 2002
3. Nguyễn Xuân Hòa, Đối chiếu thành ngữ Nga - Việt trên bình diện giao tiếp, *Luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn*, 1996.
4. Trần Thị Lan, Phương thức dịch thành ngữ đánh giá con người trên tư liệu của ba ngôn ngữ Anh - Nga - Việt, *Luận án tiến sĩ ngữ văn*, 2002
5. Nguyễn Văn Khang, Bình diện văn hóa, xã hội - ngôn ngữ học của thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1, 1994
6. Đỗ Hoàng Ngân, Thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể trong tiếng Nga và đối chiếu với tiếng Việt, *Luận văn thạc sĩ*, 1996
7. Phan Văn Quế, Ngữ nghĩa của thành ngữ - tục ngữ có thành tố chỉ động vật trong tiếng Anh (trong sự so sánh đối chiếu với tiếng Việt), *Luận án phó tiến sĩ*, 1996.
8. Giang Thị Tám, Khảo sát thành ngữ tiếng Hán có yếu tố chỉ con số trong sự đối chiếu với thành ngữ tiếng Việt có yếu tố là con số, *Luận văn thạc sĩ*, 2001
9. Ngô Minh Thủy, Thành ngữ có từ chỉ con vật trong tiếng Nga so sánh đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Việt, *Luận văn thạc sĩ*, 1996

10. Ngô Minh Thủy, Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt của thành ngữ trong hai ngôn ngữ Nhật - Việt, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 5 (67), 2001
11. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Hoàng Văn Hành, Lê Xuân Thai, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1998.
12. Một số luận văn thạc sĩ liên quan đến so sánh đối chiếu thành ngữ, trường ĐHNN-ĐHQGHN

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XVIII, N_o1, 2002

AN APPROACH TO CONTRASTIVE RESEARCH OF IDIOMS

Ngo Minh Thuy

*Department of Oriental Languages and Cultures
College of Foreign Languages - VNU*

Basing on the viewpoint that idioms are special language units in which the cultural value of a nation is crystallized and the view of world, the view of life of people can be showed the most truthfully, obviously and copiously, the author considers that studying idioms in the connection between language and culture is a good and effective way for a comparative study of idioms in two or more languages.

According to the author, the connection of language elements and cultural elements in a comparative study of idioms can be done from two sides: 1) Using cultural elements to study idioms and 2) Studying idioms to find the cultural elements.

Using many examples of English, Japanese and Vietnamese idioms, basing on the materials of previous studies, the paper describes and analysis the way to study idioms in connection with culture from the first side: Studying culture of two or more nations through the comparative study of idioms.